

Số: /BC-SGDĐT

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2026

## BÁO CÁO

### **Tổng kết việc thi hành pháp luật Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi đối với các trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành tổng kết thi hành Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi đối với các trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả như sau:

#### **I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**

##### **1. Bối cảnh trong nước liên quan đến chính sách**

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ- CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

Căn cứ Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

## **2. Quá trình thực hiện tổng kết**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên và Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 23 và Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

Căn cứ Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

a) Tỉnh Đồng Nai ban hành

- Nghị quyết số 126/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh;

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chế độ hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025;

b) Tỉnh Bình Phước ban hành

- Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi điểm a, điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.2. Như vậy, việc ban hành Nghị quyết chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh; Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được triển khai tốt và đảm bảo theo đúng quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt

động của trường trung học phổ thông chuyên và Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 23 và Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Việc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Tỉnh Đồng Nai (trước sắp xếp), ban hành các Nghị quyết chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh và Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025; Tỉnh Bình Phước (trước sắp xếp) ban hành Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Cơ quan tham mưu đã thực hiện đúng quy trình, trình tự thủ tục theo các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và luật ngân sách nhà nước, cụ thể:

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

### **2. Kết quả thi hành văn bản**

2.1. Trong các năm qua trên địa bàn 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp) có 14 cơ sở giáo dục phổ thông công lập chuyên biệt, bao gồm: 03 trường trung học phổ thông chuyên, 10 trường phổ thông dân tộc nội trú (cấp trung học cơ sở 6 trường, cấp trung học phổ thông 02 trường, liên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông 02 trường) và 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập là hỗ trợ hòa nhập cho học sinh khuyết

tật). Trên cơ sở các văn bản quy định của trung ương, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền của 02 tỉnh đã ban hành quy định những chính sách ưu đãi đối với viên chức quản lý, giáo viên, người lao động và học sinh đang công tác, dạy và học tại các trường phổ thông chuyên biệt trên địa bàn 02 tỉnh; từ đó tạo lên động lực, khuyến khích cho thầy, cô và học sinh yên tâm công tác, học tập. Kết quả trong các năm qua học sinh đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, đầu vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm đạt tỷ lệ cao so với các tỉnh trong khu vực; đặc biệt đạt được nhiều giải học sinh giỏi cấp quốc gia và có học sinh đạt giải huy chương Vàng tại kỳ thi Olympic khu vực Châu Á và 01 huy chương Đồng tại kỳ thi Olympic quốc tế.

Hàng năm có khoảng 5.423 học sinh giáo dục phổ thông các loại hình và có khoảng 693 viên chức quản lý, giáo viên và người lao động được hưởng từ các chính sách ưu đãi của 02 tỉnh đã ban hành. Tổng kinh phí hàng năm thực hiện cho các chế độ khoảng 45,477 tỷ đồng/năm. Trong đó: Chế độ chính sách ưu đãi cho viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên là 25,842 tỷ đồng/năm, chế độ chính sách ưu đãi là 19,635 tỷ đồng/năm.

2.2. Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; theo đó từ 01/7/2025 sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km<sup>2</sup>, quy mô dân số khoảng 4.491.408 người. Tuy nhiên, sau khi thực hiện sắp xếp hợp nhất 2 tỉnh để thực hiện đúng lộ trình theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ chính sách ưu đãi đối với các trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

2.3. Để cụ thể hóa các chính sách ưu đãi đối với các trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập được đồng bộ sau sắp xếp, hợp nhất theo chủ trương của Trung ương; đảm bảo tính pháp lý theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ; Thông tư 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và chính sách đặc thù của tỉnh thống nhất cho các trường, Trung tâm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện sau sáp nhập theo chủ trương chung của nhà nước. Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách ưu đãi đối với các trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

2.4. Khi Nghị quyết mới được ban hành nhu cầu kinh phí hàng năm khoảng: 66,244 tỷ đồng/năm (chưa bao gồm học bổng khuyến khích của học sinh trường THPT chuyên, học bổng chính sách của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định của Trung ương giao quyền cho địa phương quy định mức). Trong đó:

a) Chính sách chế độ ưu đãi cho viên chức quản quản lý, giáo viên, nhân viên: 38,579 tỷ đồng

b) Chính sách chế độ ưu đãi cho học sinh: 27,655 tỷ đồng.

2.5. Kinh phí tăng thêm so với các chính sách đang thực hiện khoảng 20,767 tỷ đồng/01năm (Bao gồm: Chế độ chính sách ưu đãi cho viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên là 12,737 tỷ đồng/1năm, chế độ chính sách ưu đãi cho học sinh là 8,030 tỷ đồng/năm). Chi tiết:

a) Nhu cầu kinh phí tăng thêm do mở rộng phạm vi điều chỉnh, áp dụng đối với viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên trường THPT chuyên Lương Thế Vinh, các trường phổ thông DTNT tỉnh Đồng Nai (cũ) và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập là 12,737 tỷ đồng (bao gồm: cho viên chức quản quản lý, giáo viên, nhân viên khối trường THPT chuyên 7,281 tỷ đồng; Khối trường phổ thông DTNT là 4,691 tỷ đồng; Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập là 0,765 tỷ đồng).

b) Nhu cầu kinh phí tăng thêm do mở rộng phạm vi điều chỉnh, áp dụng đối với học sinh cho các trường trung học phổ thông chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú là 8,030 tỷ đồng (bao gồm: học sinh cho trường THPT chuyên là 3,768 tỷ đồng; cho học sinh trường phổ thông DTNT là 4,262 tỷ đồng).

### III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật quy định chính sách ưu đãi đối với các trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước (trước sắp xếp). Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo các cơ quan có thẩm quyền./.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 229/BC-SGDĐT ngày 12/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Đăng Bảo Linh**

